

Số: 133/2020/QĐST- HNGĐ

Lục Yên, ngày 05 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 229/2020/TLST/HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Bàn Thị L sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện L, tỉnh Y

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện L, tỉnh Y

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 10 năm 2020

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Bàn Thị L

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về tình cảm: Chị Bàn Thị L và anh Nguyễn Văn S thuận tình ly hôn

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở

* Về con chung: Chị Bàn Thị L được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 09-7-2019; anh S được trực tiếp nuôi hai cháu Nguyễn Kim O, sinh ngày 29-9-2013 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 17-6-2016. Chị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu O và cháu T mỗi cháu là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng)/tháng, hai cháu là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 12-2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

* Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Chị Bàn Thị L nhận chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm ly hôn 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị L đã nộp đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2017/0008303 ngày 16-10-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Y;
- VKSND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Các đương sự (02);
- UBND xã Đ
- Lưu hồ sơ, TA, QĐ, KT.

THẨM PHÁN

Hoàng Văn Anh